TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 02 - 2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Mỹ

2. Bà Lương Thị Kim Nhung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng, đối với vụ án thụ lý số: 94/2021/TLST-HNGĐ ngày 06/4/2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Lê Thị Huyền T, sinh năm 1988** (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: **Ông Trần Quang V, sinh năm 1985** (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 75/14/10 đường Q, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/3/2021, đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 03/01/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lê Thị Huyền T trình bày:

Bà và ông Trần Quang V tự tìm hiểu nhau, sau đó tự nguyện tiến tới hôn nhân, được Ủy ban nhân dân phường V, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/01/2020. Quá trình chung sống vợ chồng thường

xảy ra mâu thuẫn, cải vã và ông V có những lời nói thô tục xúc phạm bà. Ông V không có sự quan tâm chăm sóc đến bà và con, đỉnh điểm là lúc con tròn 03 tháng tuổi thì ông V đã bỏ mặt hai mẹ con bà không còn thăm hỏi cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà muốn ly hôn với ông V. Bà và ông V có 01 người con chung là Trần Mỹ H, sinh ngày 26/5/2020, hiện đang sống cùng bà.

Tại đơn khởi kiện, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con với số tiền 3.000.000 đồng/ tháng. Về tài sản chung, bà yêu cầu chia đôi 01 cây vàng 24K mà nhà trai tặng trong ngày cưới, hiện số vàng này do ông V cất giữ, bà yêu cầu ông V thối lại giá trị 05 chỉ vàng tương đương số tiền 22.000.000 đồng. Đồng thời yêu cầu ông V trả lại cho bà 04 chỉ vàng 24K là của hồi môn gia đình bà cho riêng bà trị giá 17.600.000 đồng.

Ngày 03/01/2023 bà đã có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn đối với ông V.

Các vấn đề cụ thể bà yêu cầu Tòa án giải quyết được xác định là:

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông V.

- Về con chung: Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 22/04/2021 bị đơn là ông Trần Quang V trình bày: Ông đồng ý ly hôn với bà Lê Thị Huyền T; đồng ý giao con chung là Trần Mỹ H, sinh ngày 26/5/2020 cho bà T nuôi dưỡng sau khi ly hôn, và ông cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung của hai vợ chồng, ông xác định là không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Thủ tục tố tụng:*

Bà Lê Thị Huyền T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Trần Quang V; đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Trần Quang V là bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Bà Lê Thị Huyền T và ông Trần Quang V đều có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] *Nội dung vụ án:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Huyền T và ông Trần Quang V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã được Ủy ban nhân dân phường V, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/01/2020 nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Phía bà T xác định nguyên nhân yêu cầu ly hôn là vì giữa bà và ông V không còn tình cảm, đời sống hôn nhân không hạnh phúc và vợ chồng sống ly thân đã lâu. Về phía ông V cũng đã có văn bản ý kiến đồng ý ly hôn với bà T. Điều này cho thấy tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Hội đồng xét xử dựa trên nguyên tắc tự nguyện trong hôn nhân, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông V.

Về con chung: Quá trình chung sống bà T và ông V có 01 con chung là Trần Mỹ H, sinh ngày 26/5/2020, hiện do bà T trực tiếp chăm sóc. Bà T và ông V thống nhất về việc giao cháu H cho bà T nuôi dưỡng sau khi ly hôn; điều này cũng phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này.

Mặc dù phía ông V đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, nhưng do bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét và tuyên xử ông V không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bà T cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở ông V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Trường hợp ông V lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông V.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

[3] *Về việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện:*

Theo đơn khởi kiện bà T yêu cầu chia tài sản chung là 01 cây vàng 24K, bà yêu cầu ông V thối lại giá trị 05 chỉ vàng tương đương số tiền 22.000.000 đồng;

đồng thời yêu cầu ông V trả lại cho bà 04 chỉ vàng 24K là của hồi môn gia đình bà cho riêng bà trị giá 17.600.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bà T đã có đơn xin rút lại các yêu cầu khởi kiện nêu trên. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu của bà T là tự nguyện và đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu bà T đã rút.

Hậu quả của việc đình chỉ: Nguyên đơn được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại phần yêu cầu đã rút, theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Án phí sơ thẩm:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Nguyên đơn bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.290.000 đồng theo biên lai thu số 0001180 ngày 16/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; nên bà T được nhận lại số tiền là 990.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lê Thị Huyền T được ly hôn với ông Trần Quang V.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Mỹ H, sinh ngày 26/5/2020 cho bà Lê Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Quang V không cấp dưỡng nuôi con.

Bà T cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở ông V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Trường hợp ông V lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông V.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Huyền T về việc buộc ông Trần Quang V chia tài sản chung cho bà là 05 chỉ vàng 24K và trả lại phần tài sản riêng của bà là 04 chỉ vàng 24K.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Huyền T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.290.000 đồng theo biên lai thu số 0001180 ngày 16/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; nên bà T được nhận lại số tiền là 990.000 đồng (chín trăm chín mươi nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Hoàng Hồng Thắm

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp Rạch Giá;
- THADS Tp Rạch Giá;
- UBND phường V, TP Rạch Giá;
- Lưu.